

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN EAKAR
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2024/HNGĐ – ST

Ngày: 29/08/2024

V/v: *Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN EAKAR, TỈNH ĐẮK LẮK

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Hoàng Trí Lý.

- *Các hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Tuyết và ông Lê Khắc Dũng.

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Xuân Quyết – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện EaKar.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện EaKar tham gia phiên tòa:*

Bà Trần Thị Minh Nguyệt - Kiểm sát viên.

Ngày 29/08/2024, tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Ea Kar, tỉnh Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số 262/2024/TLST - HNGĐ, ngày 11 tháng 07 năm 2024; Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 41/2024/QĐXXST–HNGĐ, ngày 02/08/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 37/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 15/08/2024, giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà Đỗ Thị Bích T – sinh năm 1998.

Địa chỉ: Thôn 03, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

(có đơn xin xét xử vắng mặt)

* **Bị đơn:** Ông Đào Văn Đ – sinh năm 1994. (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn 03, xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình làm việc tại Toà án nguyên đơn bà Đỗ Thị Bích T trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Tôi với ông Đào Văn Đ đến với nhau tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 10/12/2016. Sau khi về

sống chung, vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân, do hai bên không hiểu nhau, thường xảy ra tranh cãi, ít quan tâm đến gia đình. Nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc, cứ kéo dài cũng không mang lại kết quả gì tốt đẹp, nên nguyện vọng của tôi là xin được ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Trong thời gian sống chung có 01 con chung là cháu Đào Văn Gia K, sinh ngày 27/07/2018. Sau khi ly hôn, tôi xin được trực tiếp nuôi con chung cho đến khi đủ 18 tuổi, không yêu cầu ông Đông cấp dưỡng.

Về tài sản chung, công nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Đào Văn Đ trình bày: Tôi xác định bà T trình bày là đúng sự thật, vợ chồng về sống chung trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Sau khi về sống chung, cuộc sống hôn nhân của chúng tôi có một số mâu thuẫn nên hai vợ chồng tranh cãi với nhau, làm cho cuộc sống hai bên không có tiếng nói chung. Đồng thời trước đó chúng tôi cũng đã được Tòa án nhân dân huyện Ea Kar hòa giải về sống đoàn tụ với nhau. Hiện nay, tình cảm vẫn còn, nên cũng muốn xin về sống đoàn tụ xây dựng hạnh phúc gia đình, nên không đồng ý ly hôn với bà T.

Ngày 15 tháng 08 năm 2024, Tòa án nhân dân huyện Ea Kar tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án nhưng ông Đào Văn Đ vắng mặt lần thứ nhất không lý do. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, quyết định hoãn phiên tòa.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Đào Văn Đ vắng mặt lần thứ hai, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt các đương sự.

*** Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:**

Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã ban hành các quyết định, cấp tổng đạt các văn bản tố tụng cho các đương sự đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đảm bảo theo đúng quy định của pháp luật; tại phiên tòa Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, Điều 56 Điều 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Đỗ Thị Bích T. Cho bà Đỗ Thị Bích T được ly hôn với ông Đào Văn Đ.

- Về con chung: Giao con chung cháu Đào Văn Gia K, sinh ngày 27/07/2018 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc đến khi con chung đủ 18 tuổi. Về cấp dưỡng, không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết.
- Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết về án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ea Kar, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Đỗ Thị Bích T có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Ea Kar giải quyết việc hôn nhân, con chung đối với ông Đào Văn Đ, đơn khởi kiện của bà Trang được Tòa án nhân dân huyện Ea Kar xác định quan hệ pháp luật là “*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung*”, theo quy định tại khoản 1 Điều 28. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và Điều 195 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ea Kar.

Về thủ tục mở phiên tòa vắng mặt các đương sự: Tòa án nhân dân huyện Ea Kar đã tiến hành tổng đạt niêm yết hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự. Tuy nhiên tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Bích T và ông Đào Văn Đ tự nguyện về sống chung, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 10/12/2016, đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Về nguyên nhân mâu thuẫn: Căn cứ các tài liệu chứng cứ thu thập được lưu trong hồ sơ vụ án, xác định, cuộc sống hôn nhân giữa bà T với ông Đ nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra tranh cãi, xúc phạm lẫn nhau. Mặc dù trước đó đã được Tòa án nhân dân huyện Ea Kar hòa giải để hai vợ chồng về đoàn tụ nhưng cuộc sống chung không thể hòa hợp. Xét thấy, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục, mục đích hôn nhân không đạt, hôn nhân không còn tồn tại trên thực tế. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà Đỗ Thị Bích T được ly hôn với ông Đào Văn Đ.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân bà T với ông Đ có một con chung là cháu Đào Văn Gia K, sinh ngày 27/07/2018. Xét, để đảm bảo cho sự phát triển lành mạnh về tâm, sinh lý, cũng như để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung nên căn cứ Điều

81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu K cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về trợ cấp nuôi con: Không yêu cầu nên không giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Đương sự không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: Bà Đỗ Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 144, Khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 203, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 266 của Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ khoản 1 Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đỗ Thị Bích T.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Bích T được ly hôn với ông Đào Văn Đ.

[2]. Về con chung: Giao con chung cháu Đào Văn Gia K, sinh ngày 27/07/2018 cho bà Đỗ Thị Bích T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Ông Đào Văn Đ được quyền đi lại thăm nom con chung và không ai được cản trở. Tuy nhiên, ông Đ không được lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con chung khi cần thiết, các bên có quyền thay đổi việc nuôi con chung.

[3]. Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

[4]. Về án phí: Bà Đỗ Thị Bích T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm; được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí, theo biên lai số AA/2023/0000518, ngày 10 tháng 07 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K, tỉnh Đắk Lắk.

[5]. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận

- TAND tỉnh Đắk Lắk
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện EaKar;
- Chi cục THADS huyện K;
- UBND xã P, huyện K;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Hoàng Trí Lý